

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH THÁNG 7/2024

STT	TÊN QUỸ	SỐ DƯ MANG SANG	TỔNG THU	TỔNG CHI	TỔNG CỘNG	TỔN QUỸ			
						Tiền mặt	Tiền gửi KB	Ngân hàng 122000115332	Ngân hàng 060007020425
I	TIỀN MẶT	48.363.688	102.334.000	142.961.000	7.736.688	7.736.688			
1	Tổ chức nuôi dạy trẻ trong hè	20.230.000	37.910.000	58.140.000	0	0			
2	Thế dục nhịp điệu	0	2.653.000	2.653.000	0	0			
3	Anh văn	0	3.720.000	3.720.000	0	0			
4	Vẽ	0	2.375.000	2.375.000	0	0			
5	Phục vụ ăn sáng	2.180.000	4.260.000	6.440.000	0	0			
6	Nước uống	300.000	565.000	865.000	0	0			
7	Tiền ăn học sinh	19.548.668	40.096.000	54.368.000	5.276.668	5.276.668			
8	Tiền ăn sáng	6.105.020	10.755.000	14.400.000	2.460.020	2.460.020			
II	TIỀN GỬI :3714	210.184.824	293.463.350	105.142.215	398.505.959	0	398.505.959	0	0
	CCTL-học phí	143.112.000			143.112.000		143.112.000		
	CCTL-Tổ chức bán trú VSBT	670.174			670.174		670.174		
	CCTL-đồ dùng bán trú	705.400			705.400		705.400		
1	CCTL-học hè	107.424			107.424		107.424		
	CCTL-thế dục nhịp điệu	18.506			18.506		18.506		
	CCTL- anh văn	219.544			219.544		219.544		
	CCTL - vẽ	76.227			76.227		76.227		
2	Tổ chức PVBT và VSBT	54.638.750		20.788.700	33.850.050		33.850.050		
4	Đồ dùng bán trú	580.200			580.200		580.200		
6	Học hè	-6.520.700	250.410.000	71.231.515	172.657.785		172.657.785		
7	Thế dục nhịp điệu	2.596.832	5.119.600	1.750.000	5.966.432		5.966.432		
8	Anh văn	2.760.240	5.340.000	1.800.000	6.300.240		6.300.240		
9	Vẽ	1.995.887	3.893.750	1.400.000	4.489.637		4.489.637		
10	Phục vụ ăn sáng	9.224.340	28.700.000	8.172.000	29.752.340		29.752.340		
III	TIỀN GỬI NH	447.541	35.899	0	483.440	0	0	287.336	196.104
1	Lãi ngân hàng	74.982	1.356		76.338				76.338
2	CCTL -LNH	119.766			119.766				119.766
3	Tiền lãi vietin	252.793	34.543		287.336			287.336	
IV	TIỀN GỬI :3713	254.882.852	335.153.650	93.939.480	496.097.022	0	496.097.022	0	0
1	Tiền ăn học sinh	164.526.868	239.488.000	68.859.290	335.155.578		335.155.578		
2	Tiền ăn sáng	52.478.517	64.530.000	18.105.190	98.903.327		98.903.327		
3	Học phẩm	4.466.392		4.260.000	206.392		206.392		
4	Học cụ-học liệu	2.325.000		1.560.000	765.000		765.000		
5	Khám sức khỏe	6.305.000			6.305.000		6.305.000		
6	Nước uống	105.000	3.765.000	1.155.000	2.715.000		2.715.000		
7	Anh văn	0	12.460.000		12.460.000		12.460.000		
8	Vẽ	0	7.231.250		7.231.250		7.231.250		
9	Thế dục nhịp điệu	0	7.679.400		7.679.400		7.679.400		
10	BHYT	24.676.075			24.676.075		24.676.075		
11	Thu hộ chi hộ khác	0			0			0	
V	TIỀN GỬI :3716	148.017.985	0	24.100.000	123.917.985	0	123.917.985		
1	Học phí HD	37.145.985		24.100.000	13.045.985		13.045.985		
	Học phí CCTL	110.872.000			110.872.000		110.872.000		
VI	QUỸ CƠ QUAN	56.653.103	0	3.641.797	53.011.306	0	53.011.306	0	0
1	PTSN	34.513.399			34.513.399		34.513.399		
2	Phúc lợi	3.341.797		3.341.797	0		0		
3	Khen thưởng 94005	1.894.797		300.000	1.594.797		1.594.797		
4	Ổn định thu nhập	16.687.883			16.687.883		16.687.883		
5	Bổ sung thu nhập	215.227			215.227		215.227		
	TỔNG CỘNG	570.532.008	730.986.899	345.684.492	955.834.415	7.736.688	947.614.287	287.336	196.104

Kế toán

Huỳnh Văn Mầm

Thủ quỹ

Lê Thị Kim Ánh



Ngày 31 tháng 07 năm 2024

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Kim Sa